

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 02/2026/QĐST-VDS

Ngày: 11 - 5 - 2026

V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly
hôn và thoả thuận nuôi con

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc hôn nhân gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lại Thị Ngọc Bích - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Đặng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18
– Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên họp:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 291/TLST-VDS Ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân số 17/2026/QĐST-VHN ngày 28 tháng 4 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân:

1. Bà **Vũ Thị Tuyết T**, sinh năm 2002; địa chỉ đăng ký thường trú: **Ấp T, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.**

2. Ông **Phan Văn Q**, sinh năm 1995; đăng ký thường trú: **Xóm F, xã G, tỉnh Hà Tĩnh;** địa chỉ nơi cư trú hiện tại: **Khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cũng như quá trình tham gia tố tụng và tại phiên họp bà **Vũ Thị Tuyết T** và ông **Phan Văn Q** trình bày:

Về hôn nhân: Ông **Phan Văn Q** và bà **Vũ Thị Tuyết T** sau thời gian tìm hiểu thì quyết định tổ chức đám cưới và về chung sống với nhau từ tháng 10/2021, đến tháng 3/2022 thì tự nguyện đến **UBND xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh)** đăng ký kết hôn với nhau. Quá trình chung sống do vợ chồng không hiểu, không cảm thông được cho nhau nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất

đồng quan điểm với nhau. Mặc dù vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Đến tháng 5/2022 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Trong thời gian ly thân thì ông Q và bà T cũng đã suy nghĩ rất kỹ, cảm thấy vợ chồng đã không còn tình cảm dành cho nhau nữa nên mới quyết định ly hôn với nhau để giải thoát cho cả hai.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông Q có 01 con chung tên Phan Văn Tấn S, sinh ngày 25/11/2021. Hiện tại con chung đang do ông Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông Q và bà T thống nhất giao con chung cho ông Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q và bà T không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên họp:

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ việc:

+ Về tố tụng: Thẩm phán và Thư ký đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự kể từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên họp hôm nay; đương sự đã chấp hành pháp luật tốt kể từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên họp hôm nay.

+ Về nội dung: Yêu cầu của ông Phan Văn Q và bà Vũ Thị Tuyết T về công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con là phù hợp, có cơ sở chấp nhận, đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của bà T và ông Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Phan Văn Q và bà Vũ Thị Tuyết T yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con. Đây là việc dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông Phan Văn Q và bà Vũ Thị Tuyết T cùng có địa chỉ cư trú tại xã L, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của bà Vũ Thị Tuyết T và ông Phan Văn Q thì thấy:

Về hôn nhân: Ông Phan Văn Q và bà Vũ Thị Tuyết T đều thừa nhận có tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh) nên hôn nhân giữa bà T và ông Q là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, giữa ông Q và bà T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau, hai bên cũng đã cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không đạt kết quả, vợ chồng hiện tại đã không còn chung sống với nhau nữa. Quá trình thụ lý yêu cầu, Toà án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ cho ông Q và bà T nhưng vẫn không thành. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông Q đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Q và bà T là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà T và ông Q thừa nhận chung sống thực tế với nhau từ năm 2021 và đến năm 2022 mới đi đăng ký kết hôn. Trước khi đăng ký kết hôn thì bà T và ông Q đã có với nhau một đứa con chung là cháu Phan Văn Tấn S, sinh ngày 25/11/2021 theo Giấy khai sinh đăng ký ngày 08/3/2022 tại UBND xã L, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó cháu S được xác định là con chung của ông Q và bà T. Từ sau khi vợ chồng không chung sống với nhau cho đến nay thì con chung do ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, nay khi ly hôn các bên thoả thuận tiếp tục giao con chung cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp, có lợi cho sự phát triển ổn định của cháu S do đó cần ghi nhận. Ông Q không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con là ý chí tự nguyện của ông Q nên cần ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về lệ phí: Ông Phan Văn Q và bà Vũ Thị Tuyết T phải nộp theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 370, Điều 371, Điều 372; Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 22 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn Q và bà Vũ Thị Tuyết T về việc công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con.

Về hôn nhân: Bà Vũ Thị Tuyết T và ông Phan Văn Q đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao con chung tên Phan Văn Tấn S, sinh ngày 25/11/2021 cho ông Phan Văn Q được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà Vũ Thị Tuyết T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Q và bà T đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Bà T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền được cản trở bà T thực hiện các quyền, nghĩa vụ này.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Ông Phan Văn Q và bà Vũ Thị Tuyết T phải nộp mỗi người số tiền 150.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Q và bà T đã nộp tại các biên lai số 0018532 và 0018531 cùng ngày 26/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. H lại cho ông Q và bà T mỗi người 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV18-TP.HCM;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND xã Long Hoà, TP.HCM
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lại Thị Ngọc Bích